TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 128/2024/HNGĐST Ngày: 19-7-2024 V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Trúc P trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian quen nhau vài tháng thì tổ chức đám cưới vào năm 2008. Hai bên đăng ký kết hôn vào ngày 05-3-2009 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C. Sau khi cưới, chị về sống cùng gia đình anh T được một thời gian thì ra ở riêng, vợ chồng tự cất nhà trên đất do cha mẹ anh T cho và sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T tính toán chi li, như mỗi lần đi chợ về thì phải tính lại cho anh T nghe chi phí; anh T là người giữ tiền, chị ở nhà trông

con nên không có tiền tiêu xài, anh T khắc khe trong vấn đề chi tiêu của gia đình. Chính vì thế, chị cảm thấy chán nản, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ năm 2019, chị bỏ nhà đi làm và có nói cho anh T biết mâu thuẫn vợ chồng, anh T có kêu chị về ở lại nhưng chị không đồng ý thì anh T cũng không nói gì nữa. Vợ chồng đã sống ly thân 04 năm nay nhưng không có biện pháp gì hàn gắng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể đoàn tụ được nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con là cháu Nguyễn Thị Diệu T1, sinh ngày 29-12-2008 và Nguyễn Thị Diệu H, sinh ngày 10-6-2011. Hiện hai con đang sống cùng anh T, có nguyện vọng sống cùng cha nên chị đồng ý giao hai con cho anh T nuôi, chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị P, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Trúc P và anh Nguyễn Văn T tranh chấp về ly hôn; anh T cư trú tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Trúc P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn, anh Nguyễn Văn T không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh T, chị P.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Trúc P là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 05-3-2009. Theo chị P, chị và anh Nguyễn Văn T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian quen nhau và tổ chức đám cưới vào năm 2008. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung gia đình anh T một thời gian thì ra ở riêng. Từ khi cưới nhau, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì thì phát sinh mâu thuẫn do anh T đi làm có tiền còn chị P ở nhà chăm con nên không có thu nhập, anh T giữ tiền nhưng lại tính toán quá mức,

chị P không đủ tiền sinh hoạt, từ đó chị P cảm thấy chán nản, tình cảm lạnh nhạt. Từ năm 2019, do không thể sống cùng anh T được nữa nên chị P đã bỏ nhà đi làm, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay nhưng không có biện pháp gì hàn gắng. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn do chị P nêu, nhưng anh T không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Anh T cũng không đến Tòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó cho thấy anh T đã không còn quan tâm đến hôn nhân với chị P. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"* và *"vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau".* Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa anh T và chị P đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị P là có căn cứ.

[4] Về con chung: Theo chị P trình bày, chị và anh T có hai con là cháu Nguyễn Thị Diệu T1, sinh ngày 29-12-2008 và Nguyễn Thị Diệu H, sinh ngày 10-6-2011. Hiện cháu T1, cháu H đều có nguyện vọng được sống cùng anh T khi cha mẹ ly hôn, anh T không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết tiếp tục giao các con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị P là phù hợp. Anh T chưa có yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét đến, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết sau.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị P đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc P là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc P.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Trúc P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Thị Diệu T1, sinh ngày 29-12-2008 và Nguyễn Thị Diệu H, sinh ngày 10-6-2011cho anh Nguyễn Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị Nguyễn Thị Trúc P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T chưa yêu cầu. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002616 ngày 25-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Trúc P, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực